

NAM HÀ TIỆP LỤC

QUYỂN BỐN

TUYỂN CỬ VĂN HỌC

(Tuyển cử người có văn học)

Sau khi vào Thuận Hóa, [các chúa Nguyễn thấy] việc dùng binh là gấp, nhưng vẫn chưa từng bỏ phép Nho học chút nào. Việc học của Nho sĩ đều lấy tứ thư và lục kinh làm tông chỉ. Bề tôi và chư tướng ở phen giầu cũng lấy văn chương mà nổi tiếng ở đời. Phạm Nguyễn Du đã ghi chép các di văn nơi đây, có người xuất thân là võ thần hay lữ khách mà cái đẹp của văn từ, cái khéo của thanh luật, dầu cho kẻ sĩ giỏi văn ở Trung Hoa cũng ít người hơn được. Nho học ở cõi Nam thịnh lắm thay.

Buổi đầu đặt phép tuyển cử, người dự tuyển có loại được ban là nhiều học sáu năm, có loại là nhiều học mãi đời đều được miễn các hạng tiền thuế.

Lại còn có phép triều đình cử, cho đình thần đều được tiến cử người mình biết, rồi cho thi về thơ hoặc một bài về thời sự, trúng thì bổ vào Viện Hàn Lâm, gọi là ông Nghè, hoặc bổ vào Viện Cống Sĩ, gọi là ông Cống. đương thời các bậc sĩ đại phu phần nhiều xuất thân từ con đường này.

Bãi bỏ khoa cử và thi học trò. Sau bảy đời đất Nam Hà đã dần yên trị, Vũ Vương [Nguyễn Phúc Khoát] lên nối ngôi, theo con đường võ công, lòng kiêu nẩy nở, chỉ sùng thượng Phật giáo, mà phép bỏ phép khoa cử theo Nho học, không dùng nữa hơn ba chục năm.⁽¹⁾

Con đường phẳng rộng của sĩ tử theo khoa cử, và phép tuyển cử, dù cho các triều Chu, Hán, Đường, Tống thịnh vượng, không triều nào không cử hành. Nước Việt ta thời Lý Thánh Tông đã y theo cổ chế, định ba năm thì thi học trò, lấy các năm Tý Ngọ Mão Dậu để thi Hương, các năm Thìn Tuất Sửu Mùi để thi Hội.

Mở khoa thi là để chọn người, mà học trò ứng thí lại từ huyện lên phủ, từ phủ lên thừa ty. Việc giảng dạy phải trong sáng, việc thăng tiến có trình tự mới có được người, như thế mới là thịnh vượng. Đất Nam Hà trải hai trăm năm chẳng phải là chuyên dựa vào tuyển cử hay sao.

⁽¹⁾ Thông tin này không chính xác, Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát chẳng những không bãi bỏ mà còn định lại phép thi cử. Năm Canh Thân (1740) Vũ Vương định lại phép thu thí (thi vào mùa thu, tức thi Hương) và quyền lợi của người trúng cách: Người đỗ kỳ thứ nhất gọi là nhiều học tuyển trường, được miễn tiền sai dư 5 năm. Người đỗ kỳ đệ nhị và đệ tam gọi là nhiều học thí trúng, được miễn sai dịch suốt đời. Người đỗ kỳ đệ tứ gọi là Hương cống, được bổ Tri phủ, Tri huyện, Huấn đạo.

TIẾT NGHĨA (Những người tiết nghĩa)

- *Lưu Văn Viện*, là con trai của Lưu Mậu, năm hai mươi lăm tuổi đã cai quản hai trăm người. Khi Gia quận công tiến vào Lũy Thầy thì binh đồn trú đã bỏ trốn hết. Lũy Thầy trống rỗng. Viện đã chỉ huy binh lính dưới quyền tiến lên, mưu tính đang đêm giành lấy núi với quan thống lĩnh, quân của vua [chỉ quân chúa Trịnh] vì thế bị đoạt mất khí thế.

- *Quan Tả Chính* là Chính Đức hầu gọi là Thống binh Chính.⁽¹⁾ Khi đại quân [do Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc chỉ huy] vượt qua sông Bái Đáp [sông Bồ], hầu hốt hoảng leo lên voi, voi không đứng dậy được, [hầu] vẫn đốc suất voi ra sức chiến đấu. Quân Tuyền Phong đi tiên bộ bất ngờ đến, Chính Đức hầu đã tử tiết trong trận.

- Họ nhà chúa có *người tên Du* (tức Du quận công)⁽²⁾ nguyên là bề tôi trấn giữ dinh Quảng Nam. Dinh Quảng Nam mất, Du quận công đón quốc vương xuống hải thuyền, chưa ra biển thì bị cuồng phong lật thuyền chết.

- Trong số di thần có *người tên Kính*,⁽³⁾ nguyên là Lưu thủ Đồng Nai, ra sức vì nước, nhận trách nhiệm giữ thành cho tới khi phục hưng, hùng cứ hai dinh Khang, Thuận, đánh chiếm Phú Yên. Ngụy Nhạc khen là rất kiệt kiệt.

- *Ca Lâm, Huyện Mộc*: người Hải Lăng xứ Thuận Hóa. Lúc đại quân vào Quảng Nam, nhân đêm sao khách phạm vào mặt trăng, hai người đã dấy nghĩa ở vùng núi nguồn Sái, thượng du của dinh Cát, mượn tiếng là họ nhà chúa để kêu gọi dư đảng, phủ dụ các huyện Hải Lăng, Đăng Xương, Minh Linh, lấy danh nghĩa khôi phục hào mục nhiều người hưởng ứng, đóng đồn ở chợ Cam Lộ.

- Khi quốc mẫu và ngoại tổ mẫu⁽⁴⁾ đã về Thần kinh, có *vị hàn lâm* cũ từ dinh Phú Xuân, ngầm ra thành Thăng Long. Có người khuyên ra làm quan. Vị hàn lâm nói: “Nước tan, chúa mất, đã không thể chết để đền đáp, sở dĩ đến đây là vì hai vị ấy vậy. Há nào lại cúi mình làm tôi tớ người ta”.

⁽¹⁾ Đây có thể là Nội tả Chuông dinh Nguyễn Văn Chính, người chỉ huy lực lượng quân Nguyễn tại phòng tuyến cuối cùng trên sông Bồ.

⁽²⁾ Túc Tả quân Nguyễn Cửu Dật, con của Nội hữu Chuông dinh Hoán quận công Nguyễn Cửu Pháp. *Phủ biên tạp lục* chép là Nguyễn Hữu Du, *Việt sử thông giám cương mục* chép là Nguyễn Cửu Du.

⁽³⁾ Đây có thể là Kính quận công Tống Phúc Hợp. Xem chú thích 2, tr.58.

⁽⁴⁾ Quốc mẫu ở đây là bà Nguyễn Phúc Ngọc Cầu, mẹ của Nguyễn Phúc Thuần. Ngoại tổ mẫu là bà Nguyễn Thị Kiều, bà ngoại của Nguyễn Phúc Thuần.

Nhân làm thơ nói lên lòng mình (xem Thi tuyển). (Buổi quốc sơ, vốn có nhiều người theo vua lánh nạn, hoặc ra trận cần vương, có nêu đủ trong sổ bộ Công thần).

Vận nước gặp thế cùng mới rõ người tiết nghĩa. Ngợi ca người tiết nghĩa không phải là niềm vui của người trong nước.⁽¹⁾ Nhưng có con người như thế, tất phải nuôi dưỡng tố chất ấy, thì mới cảm hóa được người. Lê Hoàn, [Lý] Công Uẩn lấy gì để đòi hỏi người khác. Lê Thái Tổ đã nuôi dưỡng nên phong độ và khí tiết ấy, truyền đến bốn trăm năm. Trận chiến sông Thúy Ái, Thạc quận công một nhà trung nghĩa.⁽²⁾ Bản triều từ khi Chiêu Huân công [Nguyễn Kim] phò lập nhà vua, danh nghĩa lấy lòng nên đã rèn luyện cho đời này từ lâu. Các người như Tả Chính, đủ để sánh cùng sương thu nắng dữ. Lại như khi thành bị hãm, còn chỉ huy voi lính chống cự, hay dàn thuyền đấu súng với địch, chẳng phải là chính khí lấy lòng oanh liệt lắm hay sao. Tiết nghĩa không thể chỉ bồi dưỡng là được.

⁽¹⁾ Nguyên văn: *"tiết nghĩa chi xưng phi nhân quốc chi sở lạc"*. Có thể vì người tiết nghĩa tất phải hy sinh mạng sống, chết ở trận tiền

⁽²⁾ Đây có thể là Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ, tham gia đánh Thuận Hóa dưới trướng Hoàng Ngũ Phúc. Khi Tây Sơn tiến quân ra Bắc, ông cùng 8 người con trai và 1 người con rể đem binh chống đánh. Trong trận chiến ở bãi sông Thúy Ái (Thanh Trì, Hà Nội) năm 1786, sáu người con của ông bị chết trận, hai người bị bắt. Bản thân ông cũng bị bắt và bị xử tử bằng thuốc độc.

PHONG TỤC

Phía nam Việt Thường, tên nước là Chiêm Thành. Lê Thánh Tông đánh phương nam, bắt vua nước ấy, người trong nước đem đất chuộc tội. Đế thu nhận, chia cho dân Chiêm ở rải rác trong cõi. Phàm nơi dân Chiêm cư trú đều gọi là sở, đặt chức Sở sứ và Phó Sở sứ để dạy dỗ. Dân Chiêm trong vài năm sau đã trở thành dân ta. Người tại vùng đất cũ vẫn còn man tục, tục nhiều dâm loạn, ít biết đạo phụ tử, quân thần.

Từ khi Thụy [Kđ: Đoan] quốc công lãnh trấn về sau, vài đời nối tiếp, dạy dân bằng lễ nghĩa, người trong nước được giáo hóa. Người dân ra sức làm ruộng trồng dâu, vui lúc chiến đấu, sĩ phu quen với lễ pháp, phong tục biến đổi dần dần, chẳng còn noi theo hủ lậu của Trà [Kđ: Chê] Củ, Bí Cai. Vũ Vương nổi nghiệp, bèn đổi áo mão, thay phong tục cho quốc dân đầu tiên. Trị an đã lâu, lòng kiêu nảy nở, tướng sủng trên dưới đua nhau xa xỉ, phong tục lại một lần thay đổi.

Dân quán Gò Găng⁽¹⁾ giỏi nghề chằm nón.

Dân đình chín ấp ven núi ở đèo Eo Gió⁽²⁾ phần nhiều giỏi bắn súng.

Dân làng An Vĩnh [Kđ: Vĩnh]⁽³⁾ và phường Ông Tre⁽⁴⁾ đều khéo dệt gấm màu.

Man Trà Lại thuộc nguồn Cầu Bông⁽⁴⁾ mỗi tháng lấy voi chở sập vàng, trai gái gửi trầm hương, kỳ nam vàng tía đến Cầu (?) giao dịch.

⁽¹⁾ Gò Găng ở Bình Định.

⁽²⁾ Đèo Eo Gió ở Khánh Hòa.

⁽³⁾ Làng An Vĩnh thuộc Cù Lao Ré (huyện đảo Lý Sơn), tỉnh Quảng Ngãi. Xem phần Tài lợi, tr. 49.

⁽⁴⁾ Phường Ông Tre, nguồn Cầu Bông thuộc tỉnh Bình Định. Xem mục Cửa biển Nước Mặn, phần Sơn xuyên hình thế, tr. 62.

PHỤ CHÚ QUỐC PHONG TỤC (Phụ thêm về phong tục các nước)

Nước Xiêm La đất rộng của giàu, quốc vương [nước ấy] lấy vàng phủ mái nhà, trăm quan lấy bạc, dân thường dùng thiếc. Trịnh Vinh vốn là người Minh. Nhà Thanh khảo thí, Vinh ra thi cử nhân võ và văn, đều đỗ đầu. Người chú bảo rằng: Dòng họ ta đời đời ăn lộc nhà Minh, ta hổ thẹn cúi mình theo triều đại sau, Vinh bèn không làm quan, lánh sang ở tại Hà Tiên. Vinh ra làm hầu trà cho viên trấn quan Hà Tiên, lấy con gái của quan coi kho Hà Tiên là Phi Nhã Tân, nhân đó dần được cất dùng. Sau Nhã Tân chiếm được nước Xiêm, lấy rể mình làm quan trấn ải phía nam, ban tên là Diệu Phỉ Tắc. Năm Bính Tuất [1766] (tự vương [Nguyễn Phúc Thuần] lên ngôi năm đầu), giặc Ô Tào (nơi ở của Mạnh Hoạch), nhân đánh nước Xiêm La, thu ngọc lụa, con gái và bắt vua Xiêm về, lập em của vua là Sĩ làm vua. Sĩ cố từ chối không nhận, bèn lập con trai đầu của vua là Diệu Ông Khích (nguyên vua Xiêm đã lập làm thái tử, ham tửu sắc bị truất). Ô Tào trở về bắc, Diệu Phỉ Tắc nghe biến vào cứu viện. Các bề tôi cũ của nước Xiêm phết Diệu Ông Khích, lập Trịnh Vinh làm vua, đổi tên hiệu là Bồn Nhự Tắc, chiêu nạp các hào mục Đồng Nai, Hà Tiên chạy loạn, nương tựa vào Xiêm La, ban cho của cải, lấy ruộng đất nhà giàu trong nước quân cấp cho, người nghèo trôi giạt cũng có đường sống. Lại giảm thuế, các thuế tiết Nguyên đán, Đoan Ngọ chỉ thu người giàu 5 mạch (đó là tiền tết), người nghèo miễn trọn. Người nước này da đen, búi tóc, áo quần như người Cao Miên. Duy chỉ cạo đầu búi tóc là khác mà thôi. (Xét: Phi Nhã Tân người Tổ [Kd: Triều] Châu, Quảng Đông, ban đầu làm quan coi kho Hà Tiên, gặp lúc rợ Hoa Đồ đánh nước Xiêm, mới chiếm được nước này).⁽¹⁾

Cao Miên xưa là nước Chân Lạp, ranh giới tiếp với phố Nam Vang, từ phố này trông xa thấy một tòa tháp rất cao đó là địa phận Cao Miên. Thời Vũ Vương, ở Cao Miên, anh em Nặc Ông Tôn, Nặc Ông Nộn tranh ngôi, vương khiến binh thu nạp người anh là Tôn. Người nước này đều cạo tóc, da đen, chỗ ở đều gác cây gỗ làm như cái tổ, khi vào triều yết quốc vương thì đi bằng gỏi, khúm núm quỳ ở sân ngoài. Lại lấy vải xanh quấn vào người che tới chân. Chữ viết thì đọc theo hàng ngang, dáng chữ chẳng lệ, chẳng triện và cũng không phải là chữ khoa đầu cổ. Uống thì nói là “phát tức”, ăn gọi là “xôi be”, đều không dùng đũa muống, chỉ lấy tay bốc thức ăn mà thôi. (Nét chữ cong queo, gần giống với chữ đại triện cổ. Cách vận tay viết

⁽¹⁾ Theo chính sử thì năm 1767, quân Miến Điện xâm lược Xiêm La, bắt được vua Xiêm và mấy vạn người dân đem về Miến Điện. Hai người con của vua Xiêm phải chạy sang nương náu ở Chân Lạp và Hà Tiên. Nhân cơ hội này, một người Hoa là Trịnh Quốc Anh (gốc Triều Châu, Quảng Đông) khởi binh tự lập làm vua nước Xiêm.

lại giống như múa kiếm. Thể chính và bên trái giống như các chữ vương sắc lệnh trong đạo bùa. Vua nước này thường đúc tiền bằng bạc, hình tròn như vỏ ốc lớn, bên trong thì cao mà bốn bên thì thấp. Trên có trụ khắc hình chim, gọi là tiền bạc con gà. Mỗi tiền trị giá hai mươi bốn xu tiền đồng, để tiện người trong nước dùng).

Trấn Hà Tiên vốn tại nước Cao Miên, là đất bỏ hoang, rấn dữ thú lạ cây cỏ độc sinh sôi nơi đây. Về trước chưa thuộc vào ai. Thời Thụy quốc công [Nguyễn Phúc Nguyên] (niên hiệu Vĩnh Tộ đời Lê), vua Minh Sùng Trinh mất ngôi, Mộc quốc công từ trấn Giang Đông đem mười tám đạo binh vượt biển vào cứu viện, thế lực rất mạnh, nhân ở đó định xưng vương. Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế nhà Thanh (niên hiệu Khang Hy) ngự giá thân chinh, Mộc quốc công tránh xa về Hải Nam, xin lương thực ở nước ta. Thanh Thánh Tổ đến Quảng Đông gửi văn thư đến triều Lê xin giúp làm nội ứng. Ta nhân đó hiến cho Mộc quốc công trăm mỹ nữ. Mộc quốc công nhận về, các cô gái này ngấm lấy nước lã tưới vào thuốc súng, súng bắn không được, mười tám đạo binh tổn thất hết năm phần mười, tỳ tướng cũng bị hại rất nhiều.

Mộc quốc công dẫn đại thuyền sang nước Xiêm La, định cư một nơi (chưa rõ nơi này), con cháu sinh sôi nảy nở, tự dựng thành một nước không thống thuộc nước nào. Thời Tộ quốc công [Nguyễn Phúc Chu], có một người tên Định vào Quảng Nam làm Tổng binh, gọi là Tổng binh Định, một người tên Cao [chính sử thường ghi Mạc Cửu] vào Cao Miên làm Ốc nhả (ta gọi là Trấn thủ), gọi là Ốc nhả Cao, được sai cai quản Hà Tiên. Ông đã đuổi yêu quái, vỡ hoang, khai thác núi đầm, chiêu mộ dân buôn quy tụ ngày càng đông, dần dần như phong tục Trung Hoa. Cao chết, con là Tung (có tên khác là Tông, lại có tên là Thiên Tứ), khá có văn học, chuộng kẻ sĩ, mở mang đất đai, đời đời nhận tước phong của chúa Nguyễn. Năm Mậu Tý [1768], Hà Tiên bị Xiêm La chiếm (tự xưng lên ngôi năm thứ ba), Tông bị giết.⁽¹⁾

Nước Tây Dương: Người nước này tóc đỏ, mắt vàng, mũi lõ, mặt trắng, tiếng nói líu lo không thể nghe được, y phục lạ kỳ, thường khoác áo đến khoảng lưng mà thôi.

Trên hết là phong hóa, dưới là phong kỳ, phong thanh, đất kinh đô có tiếng văn vật, một khi vì biến cố nhà Tần sẽ biến thành cương nghị quả cảm. Nước Việt ta đời Lý, Trần chùa chiền khắp thiên hạ. Đời Trần thì có nơi xảy ra thói dâm bôn. Lê Thái Tổ phục hưng, về sau Lê Thánh Tông nối tiếp, sùng thượng Nho học để làm ngay thẳng lòng dân, tôn trọng lễ tiết để uốn nắn tính dân. Phong tục của dân gian quay về nếp chính. Dân Chiêm cũng là dân ta, phong tục thế nào cũng là do bên trên cổ vũ.

⁽¹⁾ Chi tiết này không chính xác. Năm 1777, Mạc Thiên Tứ đánh nhau với quân Tây Sơn bị thua, phải lưu lạc sang Xiêm La. Năm Canh Tý (1780), bị vua Xiêm nghi ngờ tội mưu phản, ông phần chí tự tử.

TRIỀU SÍNH (Phụ bang giao) (Triều cống - Phụ thêm về bang giao)

Doan quốc công [Nguyễn Hoàng] từ Thuận Quảng ra châu, dâng nạp các thuế hàng quý (ba lượt).

Hà Tiên dâng lễ xin thần phục chúa Nguyễn, nhưng cũng có ý hai lòng với Cao Miên. Trước kia người Trịnh Châu, Quảng Đông tên là Cao (còn có tên là Cửu, cùng với Tổng binh Định là lớp sau của Mộc quốc công ở Bắc triều) thất trận làm khách buôn ở Cao Miên. Vua Miên thích, cho Cao làm Trấn thủ Hà Tiên, do thuộc hạ là Tổng binh Định tại Quảng Nam [tiền cứ], nên đến dâng lễ xin thần phục chúa Nguyễn.

Ốc nhả Cao ở Hà Tiên chạy sang ta. Cao Miên vì Ốc nhả Cao dâng lễ xin thần phục chúa Nguyễn, nên nổi giận sai binh đánh. Cao không cự được, phải chạy, Thuận Hóa thu nạp Ốc nhả Cao tại trấn Hà Tiên. Mạc Cao lại chạy sang ta. Tộc quốc công [Nguyễn Phúc Chu] sai bề tôi là Chính thống Vân [Nguyễn Cửu Vân], Tổng binh Định đưa Cao trở lại trấn. Cao Miên không dám chống lại, Cao về đến Đầm Cùng, xứ Rạch Sỏi, tức là Nhà Mao thuộc địa phương của Cao Miên (đều là đất hoang). Tại xứ này có Vành Chi Ma (người Ai Lao có phép thuật, lính bắn đạn không vào), Hoắc Nhiên (người Tàu giỏi nhảy như bay, có thể đứng trên cột buồm nhảy qua thuyền khác) cùng nhau lẫn lút chiếm cứ một vùng, vào phủ Ba Nặc cướp bóc gia súc, của cải. Binh Thuận Quảng từ Cao Miên trở về, nhân kể lại chuyện Vành Chi Ma, Hoắc Nhiên, xin cất đại quân. Các tướng phen giậu của Thuận Quảng chấp thuận. Riêng Ốc nhả Cao xin tự gánh vác, đánh mạnh bắt được hai tên đầu sỏ ấy, các tướng nhân đó dâng biểu xin cử Ốc nhả Cao làm quan Tổng binh trấn Hà Tiên. Hà Tiên mới trở thành trấn kể từ đó. Hàng năm một lần cống, lấy làm lệ thường (lễ vật xem phần Cống phú). Cao truyền xuống Tổng binh Tung [Tùng]. Việc thu nhận Nặc Ông Tôn của Cao Miên là do lời xin của Tổng binh Tung vậy. Lúc đó ở Cao Miên anh em giành ngôi, Tung muốn thu nạp người anh là Tôn, nên xin với Hiếu Vũ Vương. Vương cũng cho Tôn là anh đáng được lập, sai Tổng binh Tung giúp đỡ Tôn phục quốc. Lại sai Tung đưa An phủ Mố làm bảo hộ cho Nặc Ông Tôn. Tôn cắt đất thêm cho Hà Tiên, gọi Tung là dưỡng phụ. Đất Hà Tiên từ đó rộng lớn dần. Em của Nặc Ông Tôn là Nộn không được lập, đến nương tựa quốc vương Xiêm La là Phi Nhã Tân (có bản ghi là Phi Trĩ Tân). Tân muốn thu nạp Nộn, nên gửi văn thư đến Hà Tiên. Hà Tiên không thuận. Tân sai tướng đến Hà Tiên. Hà Tiên sai con trai thứ làm con tin ở Xiêm. Vua Xiêm cất cho ba phủ

Rạch Tẩu, Vũng Tảo, Sài Mạt (nam cận sông cái Xiêm La, bắc cận phủ Ba Nặc của Cao Miên).

Bờ cõi của Hà Tiên ngày càng mở rộng. Tuy được Nam Hà phong tước, nhưng thường có lòng dòm ngó. Các tướng phen giầu đều ngờ vực.

Thăng Tổng binh Tung làm Đại đô đốc, tự vương [Nguyễn Phúc Thuần] khi mới lên ngôi có mệnh lệnh này.

Hà Tiên lại đến xin quân. Trước kia các bề tôi của nước Xiêm lập Bồn Nhự Tắc làm vua. Con của Điều Ông Khích là Điều Xí Mật chạy sang Cao Miên, dựa vào Nặc Ông Tôn. Con của Điều Xí Mật là Điều Đội lại chạy sang Hà Tiên dựa vào Tổng binh Tung. Khi Bồn Nhự Tắc được lập, Nặc Ông Nộn đang ngụ ở đó. Nhự Tắc muốn đưa Nộn về nước, bèn đòi Hà Tiên đất ba phủ. Hà Tiên không thuận. Vua Xiêm sai tướng đem binh đánh. Hà Tiên gửi văn thư sang ba dinh Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ (do Nam Hà đặt, sai các tướng trấn giữ để phòng bị các nước Xiêm La, Cao Miên, mỗi dinh đặt 20 khẩu đại bác, súng hạng trung và hạng nhỏ đều 20 khẩu) xin mượn 20 khẩu đại bác và xin quân tiếp viện.

Đô đốc Tung của Hà Tiên chạy sang. Trước đó các tướng biên thùy của Nam Hà nghi ngờ Tung mưu đồ việc lớn, khi Tung gửi văn thư tới ba dinh, ba dinh lại làm nội ứng cho Xiêm La nên không cứu viện. Hà Tiên không có cứu viện, nên bị Xiêm La chiếm cứ. Tung chạy về Gia Định, trú ở xứ Nhà Hung.

Việc bang giao giữa các nước có đạo lý hay chẳng? Các bậc hiền triết trả lời có. Nay nhỏ phải thờ nước lớn, nước lớn càng thờ nước nhỏ, đó là đạo lý của việc bang giao với láng giềng vậy. Xem *Tả truyện* có việc mười chín nước qua lại thăm viếng, cũng tự thấy rõ.

(Hết quyển bốn)